UBND TỈNH NINH THUẬN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 203 /QĐ-SYT	*Ninh Thuận, ngày 11 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng Xét nghiệm y khoa Paralab thuộc Hộ kinh doanh Phòng Xét nghiệm y khoa Paralab

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế về ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, danh sách đăng ký hành nghề và danh mục kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt của Phòng Xét nghiệm y khoa Paralab thuộc Hộ kinh doanh Phòng Xét nghiệm y khoa Paralab *(kèm theo Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III).*

Điều 2. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh có giá trị kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược Sở Y tế và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Quản lý KCB - Bộ Y tế;
- UBND thành phố PR-TC;
- TTYT thành phố PR-TC;
- Trung tâm PVHCC;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH NINH THUẬN

Lê Vũ Chương

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 392/NT-GPHĐ

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược Sở Y tế.

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB** THUỘC HỘ KINH DOANH PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB.

Hình thức tổ chức: Cơ sở xét nghiệm.

Địa chỉ hoạt động: số 12B (lầu 1) đường Phan Đình Phùng, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Thời gian làm việc hằng ngày:

- Thứ 2 - Thứ 6: 11h40 - 13h00; 17h30 - 19h00;
- Thứ 7 và CN: 07h00 - 12h00; 14h00 - 19h00.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện xét nghiệm theo danh mục kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận phê duyệt.

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 4 năm 2025

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH NINH THUẬN

Lê Vũ Chương

Phụ lục I

DANH SÁCH CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB THUỘC HỘ KINH DOANH PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 203/QĐ-SYT ngày 11/4/2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tên người chịu trách nhiệm CMKT	Số Chứng chỉ hành nghề KBCB	Hình thức tổ chức	Địa điểm hoạt động			Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian	Số Giấy phép hoạt động KBCB
					Thôn, khu phố	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố			
1	Phòng Xét nghiệm y khoa Paralab thuộc Hộ kinh doanh Phòng Xét nghiệm y khoa Paralab	Nguyễn Hoàng Diệu	1828/NT-CCHN ngày 21/9/2016	Cơ sở xét nghiệm	số 12B (lầu 1) đường Phan Đình Phùng	phường Kinh Dinh	thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Thực hiện xét nghiệm theo danh mục kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận phê duyệt.	- Thứ 2 - Thứ 6: 11h40 - 13h00; 17h30 - 19h00; - Thứ 7 và CN: 07h00 - 12h00; 14h00 - 19h00.	392 /NT-GPHĐ

Phụ lục II

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ CỦA PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB THUỘC HỘ KINH DOANH PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB.

(Ban hành kèm theo Quyết định số:203/QĐ-SYT ngày 11/4/2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận)

---

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB THUỘC HỘ KINH DOANH PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB**.

2. Địa chỉ: số 12B (lầu 1) đường Phan Đình Phùng, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

3. Thời gian làm việc hằng ngày:

- Thứ 2 - Thứ 6: 11h40 - 13h00; 17h30 - 19h00;
- Thứ 7 và CN: 07h00 - 12h00; 14h00 - 19h00.

4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh khác (nếu có)	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Diệu	1828/NT-CCHN ngày 21/9/2016	Chuyên khoa xét nghiệm	- Thứ 2 - Thứ 6: 11h40 - 13h00; 17h30 - 19h00; - Thứ 7 và CN: 07h00 - 12h00; 14h00 - 19h00.	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Cơ sở; Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	Bệnh viện đa khoa tỉnh: Thứ 2 - Thứ 6: 07h00 - 11h30; 13h30 - 17h00;	

2	Hoàng Thị Ngọc Châu	503/NT-CCHN ngày 25/10/2022	Chuyên khoa xét nghiệm y học dự phòng	- Thứ 2 - Thứ 6: 11h40 - 13h00; 17h30 - 19h00; - Thứ 7 và CN: 07h00 - 12h00; 14h00 - 19h00.	Kỹ thuật y; Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	không	
3	Vạn Thị Thanh Hiền	1923/NT-CCHN ngày 17/3/2017	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- Thứ 2 - Thứ 6: 11h40 - 13h00; 17h30 - 19h00; - Thứ 7 và CN: 07h00 - 12h00; 14h00 - 19h00.	Kỹ thuật y; Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	không	
4	Đoàn Minh Hiếu	501/NT-CCHN ngày 31/12/2013	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- Thứ 2 - Thứ 6: 11h40 - 13h00; 17h30 - 19h00; - Thứ 7 và CN: 07h00 - 12h00; 14h00 - 19h00.	Kỹ thuật y; Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	Bệnh viện đa khoa tỉnh: Thứ 2 - Thứ 6: 07h00 - 11h30; 13h30 - 17h00;	

Phụ lục III

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THỰC HIỆN TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB THUỘC HỘ KINH DOANH PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA PARALAB

(Ban hành kèm theo Quyết định số:203/QĐ-SYT ngày 11/4/2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận)

STT	TT 23	DANH MỤC KỸ THUẬT
(1)	*(2)*	*(3)*
I	**22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU**	
1	22.3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công
2	22.7	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công
3	22.20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy
4	22.117	Định lượng sắt huyết thanh
5	22.119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
6	22.120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
7	22.134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)
8	24.291	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh
9	24.290	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng
10	22.142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
11	22.144	Tìm tế bào Hargraves
12	22.149	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
13	22.152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công
14	22.279	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)
15	22.291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)
16	22.602	Định lượng PIVKA (Protein Induced by Vitamin K Absence)
II	**23. HÓA SINH**	
17	23.2	Định lượng ACTH (Adrenocorticotropic hormone) [Máu]
18	23.3	Định lượng Acid Uric [Máu]
19	23.7	Định lượng Albumin [Máu]
20	23.9	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase) [Máu]
21	23.10	Đo hoạt độ Amylase [Máu]
22	23.11	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]
23	23.12	Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone) [Máu]

24	23.13	Định lượng Anti CCP (anti-cyclic citrullinated peptide antibodies) [Máu]
25	23.14	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin) [Máu]
26	23.15	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies) [Máu]
27	23.16	Định lượng Apo A_1 (Apolypoprotein A_1) [Máu]
28	23.17	Định lượng Apo B (Apolypoprotein B) [Máu]
29	23.18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
30	23.19	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]
31	23.20	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]
32	23.25	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]
33	23.26	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]
34	23.27	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]
35	23.29	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]
36	23.31	Định lượng Canxi ion hóa bằng điện cực chọn lọc [Máu]
37	23.32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]
38	23.33	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]
39	23.34	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]
40	23.35	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]
41	23.36	Định lượng Calcitonin [Máu]
42	23.39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]
43	23.41	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)
44	23.45	Định lượng C-Peptid [Máu]
45	23.46	Định lượng Cortisol (máu)
46	23.50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity) [Máu]
47	23.51	Định lượng Creatinin (máu)
48	23.52	Định lượng Cyfra 21-1 [Máu]
49	23.55	Định lượng 25OH Vitamin D (D3) [Máu]
50	23.58	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]
51	23.61	Định lượng Estradiol [Máu]
52	23.63	Định lượng Ferritin [Máu]
53	23.65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]
54	23.6	Định lượng Aldosteron [Máu]
55	23.24	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]
56	23.68	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]

57	23.69	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]
58	23.72	Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat dehydrogenase) [Máu]
59	23.73	Định lượng GH (Growth Hormone) [Máu]
60	23.75	Định lượng Glucose [Máu]
61	23.77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]
62	23.83	Định lượng HbA1c [Máu]
63	23.84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]
64	23.85	Định lượng HE4 (human epydidymal protein 4) [Máu]
65	23.93	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [Máu]
66	23.98	Định lượng Insulin [Máu]
67	23.104	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]
68	23.109	Đo hoạt độ Lipase [Máu]
69	23.110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]
70	23.111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]
71	23.112	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]
72	23.118	Định lượng Mg [Máu]
73	23.120	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]
74	23.121	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu]
75	23.128	Định lượng Phospho (máu)
76	23.129	Định lượng Pre-albumin [Máu]
77	23.130	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]
78	23.131	Định lượng Prolactin [Máu]
79	23.133	Định lượng Protein toàn phần [Máu]
80	23.134	Định lượng Progesteron [Máu]
81	23.137	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide) [Máu]
82	23.138	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]
83	23.139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]
84	23.140	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon) [Máu]
85	23.142	Định lượng RF (Rheumatoid Factor) [Máu]
86	23.144	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]
87	23.147	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]
88	23.148	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]
89	23.151	Định lượng Testosterol [Máu]

90	23.154	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]
91	23.156	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies) [Máu]
92	23.157	Định lượng Transferrin [Máu]
93	23.158	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]
94	23.159	Định lượng Troponin T [Máu]
95	23.160	Định lượng Troponin T hs [Máu]
96	23.162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
97	23.166	Định lượng Urê máu [Máu]
98	23.169	Định lượng Vitamin B12 [Máu]
99	23.170	Định lượng yếu tố tân tạo mạch máu PLGF (Placental Growth Factor) [Máu]
100	23.172	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]
101	23.179	Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu]
102	23.184	Định lượng Creatinin (niệu)
103	23.188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]
104	23.189	Định lượng MAU (Micro Albumin Urine) [niệu]
105	23.193	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]
106	23.194	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]
107	23.195	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]
108	23.196	Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]
109	23.206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
110	23.227	C-Peptid
111	23.228	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)
112	BS_23.276	Xét nghiệm tinh dịch đồ bằng phương pháp thủ công
113	BS_23.318	Định lượng kẽm
III	**24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG**	
114	24.1	Vi khuẩn nhuộm soi
115	24.73	Helicobacter pylori Ag test nhanh
116	24.74	Helicobacter pylori Ab test nhanh
117	24.93	Salmonella Widal
118	24.94	Streptococcus pyogenes ASO
119	24.117	HBsAg test nhanh
120	24.119	HBsAg miễn dịch tự động
121	24.124	HBsAb định lượng

122	24.126	HBc IgM miễn dịch tự động
123	24.129	HBc total miễn dịch tự động
124	24.110	Virus Ag miễn dịch tự động
125	24.130	HBeAg test nhanh
126	24.132	HBeAg miễn dịch tự động
127	24.135	HBeAb miễn dịch tự động
128	24.144	HCV Ab test nhanh
129	24.146	HCV Ab miễn dịch tự động
130	24.159	HAV total miễn dịch tự động
131	24.169	HIV Ab test nhanh
132	24.170	HIV Ag/Ab test nhanh
133	24.174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động
134	24.183	Dengue virus NS1Ag test nhanh
135	24.187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh
136	24.2	Vi khuẩn test nhanh
137	24.108	Virus test nhanh
138	24.112	Virus Ab miễn dịch tự động
139	24.256	Rubella virus IgM miễn dịch tự động
140	24.258	Rubella virus IgG miễn dịch tự động
141	24.263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
142	24.264	Hồng cầu trong phân test nhanh
143	24.321	Vi nấm nhuộm soi
144	BS_24.379	Syphilis miễn dịch tự động